CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số 28/02/ 2017/HĐ-TC

Hạng mục: Hệ thống điện phần phát điện

(Công trình:Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn thông thường kết hợp phát điện huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang)

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội Khóa XI kỳ họp thứ 4;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ nhua cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2017, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Năng lượng Tái Tạo Toàn Cầu, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu ***(gọi tắt là Bên A)***

- Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Năng Lượng Tái Tạo Toàn Cầu**
- Địa chỉ trụ sở chính: 123 Trần Trọng Cung, P Tân Thuận Đông, Q7, TP Hồ Chí Minh
- Họ tên người đại diện: **Bà Nguyễn Thị Thu** - Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Điện thoại : 08 377 34 533
- Mã số thuế : 0312520639
- Tài khoản : 100414851042765 tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Chợ Lớn

2. Bên nhận thầu ***(gọi tắt là Bên B)***

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH TM-TV-XDCĐ Phước Tiến** .
- Địa chỉ trụ sở chính:,Phường tân Bình,thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Họ tên người đại diện: Ông **Bùi Xuân Ngàn** - Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 0918922629 - ; Fax: 0651 3879688 .
- Tài khoản số : 102010000307482 tại Ngân hàng Công thương – Bình Phước
- Mã số thuế : 3800230022

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

ĐIỀU 1: Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng.

Bên A giao cho Bên B thực hiện thi công xây dựng hạng mục công trình: hệ thống điện phần phát điện (thuộc công trình: ***Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn thông thường kết hợp phát điện huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang***) tại huyện Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang,. Bên B có trách nhiệm thi công xây dựng và lắp đặt vật tư, thiết bị theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. Trong quá trình bên B thi công phải chịu giám sát của chủ

đầu tư và thực hiện các bước nghiệm thu theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về quản lý đầu tư XDCB.

ĐIỀU 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

Phải thực hiện theo đúng thiết kế được duyệt, đảm bảo sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và tiêu chuẩn ngành điện.

ĐIỀU 3: Thời gian, tiến độ thực hiện.

Bên B phải thực hiện thi công ngay sau khi hợp đồng được ký kết và khi Bên A giao cho Bên B đầy đủ các tài liệu và mặt bằng thi công.

- Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi Bên B nhận được tiền tạm ứng bên A
- Thời gian thực hiện là: 45 ngày làm việc.

ĐIỀU 4: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng.

4.1. Điều kiện nghiệm thu:

- Tuân thủ theo các quy định về quản lý chất lượng công trình hiện hành của Nhà nước.

- Bên A sẽ nghiệm thu tiến độ thực hiện hợp đồng theo từng công việc, bộ phận; từng giai đoạn thi công và theo từng hạng mục công trình xây dựng để bảo đảm chất lượng khi đưa vào sử dụng và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình thi công. Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

- Chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.

- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng.

- Việc nghiệm thu bàn giao công trình xây dựng được thực hiện do hội đồng nghiệm thu gồm: Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị quản lý vận hành.

ĐIỀU 5: Bảo hành công trình.

5.1. Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra.

Mọi sự cố trong thời gian bảo hành đều phải lập biên bản sự cố của điện lực địa phương. Đồng thời giữ nguyên hiện trường, mời kỹ thuật hai bên cùng xác định nguyên nhân sự cố .

Nếu nguyên nhân do nhà thầu , nhà thầu phải phải chịu trách nhiệm sửa chữa bảo hành .

Nếu nguyên nhân do vận hành hoặc do khách quan nhà thầu không chịu trách nhiệm chi phí sửa chữa bảo hành .

5.2. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày nhà thầu thi công xây dựng công trình nghiệm thu bàn giao công trình, phải bảo hành cho chủ đầu tư là 12 tháng

ĐIỀU 6: Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT .

Tổng giá trị Hợp đồng được làm tròn là : 13.300.000.000 đồng (Mười ba tỷ ba trăm triệu đồng chẵn) bao gồm.

- **Phần đường dây 22KV là 2.280.000.000 đồng**
- **Phần TBA III-1000KVA được làm tròn là : 1.390.000.000 đồng**
- **Phần TBA 4x1250 KVA được làm tròn là : 6.280.000.000 đồng**
- **Phần hạ áp được làm tròn là : 3.350.000.000 đồng** (Không VAT).

Giá trị hợp đồng trên được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng:

b) Nhà nước thay đổi chính sách: thay đổi tiền lương, thay đổi giá nguyên vật liệu do Nhà nước quản lý giá, thay đổi tỷ giá hối đoái đối với phần vốn có sử dụng ngoại tệ hoặc thay đổi các chế độ, chính sách mới làm thay đổi mặt bằng giá đầu tư xây dựng công trình. Trong trường hợp này hai bên được phép thỏa thuận điều chỉnh khi những thay đổi trên phát sinh trước thời điểm Bên A chuyển tiền tạm ứng đợt 1 cho Bên B và được cấp có thẩm quyền cho phép.

c) Trường hợp bất khả kháng. Khi đó các bên tham gia hợp đồng thương thảo để xác định giá trị hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: Thanh toán hợp đồng.

- Tạm ứng đợt 1.

Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 15% tương đương với số tiền được làm tròn là **2.000.000.000 đồng** ngay khi hợp đồng được ký kết,

-Tạm ứng đợt 2.

Sau khi Bên B lắp đặt hoàn thiện phần đường dây trung thế và hoàn thiện phần TBA III-1000KVA thì Bên A sẽ tạm ứng tiếp cho bên B 30% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền được làm tròn là : **4.000.000.000 đồng**

-Tạm ứng đợt 3.

Sau khi Bên B lắp đặt hoàn thiện phần TBA 4x1250KVA thì Bên A sẽ tạm ứng tiếp cho bên B 40% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền được làm tròn là : **5.000.000.000 đồng**

Số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán cho bên B 15% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền được làm tròn là : **2.300.000.000 đồng** sau khi công trình hoàn thành và nghiệm thu đóng điện bàn giao cho bên A.

- *Hình thức thanh toán*: chuyển khoản.
- *Đồng tiền thanh toán*: Tiền Việt Nam

ĐIỀU 8: Bảo hiểm.

- Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình.

ĐIỀU 9: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết thông qua hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10: Bất khả kháng.

10.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn, chiến tranh, và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam…

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia biết về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

10.2 Trong trường hợp bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11: Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

11.1. Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây ra thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận.

11.2. Hủy bỏ hợp đồng:

a) Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b) Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường

c) Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không còn hiệu lực từ khi bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

ĐIỀU 12: Quyền và nghĩa vụ của bên B

12.1- Bên B có quyền được thanh toán kinh phí theo Điều 7 của hợp đồng này và các quyền khác theo quy định của Nhà nước.

12.2 Nghĩa vụ của bên B:

- Đảm bảo thi công đúng hồ sơ thiết kế đã được duyệt, đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, thực hiện đúng trình tự thi công theo qui trình qui phạm hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về khối lượng và chất lượng công trình.
- Bảo hành công trình theo qui định.

ĐIỀU 13: Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Giao đầy đủ hồ sơ thiết kế – tổng dự toán đã được phê duyệt cho bên B.
- Cử giám sát theo dõi tiến độ và chất lượng công trình.
- Giải tỏa mặt bằng công trình để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.
- Cùng bên B giải quyết những vướng mắc khi thi công.
- Cùng bên B và các bên liên quan xem xét và xác nhận khối lượng phát sinh hợp lý.
- Thanh toán kinh phí cho bên B theo hợp đồng đã ký.

ĐIỀU 14: Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt Nam

ĐIỀU 15: Điều khoản chung:

15.1- Các phụ lục sau là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này:

- Hồ sơ thiết kế – dự toán được phê duyệt.

15.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

15.3 Hợp đồng này được lập thành 6 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản bên B giữ 03 bản.

15.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
NGUYỄN THỊ THU	Bùi Xuân Ngàn